TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Tỵ.

2. Ông Cầm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trường Th, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số nhà 165 đường Trần Phú, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số nhà 165 đường Trần Phú, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
(Tại phiên tòa chị Th có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2021, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trường Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Sơn, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, anh T không chăm lo làm ăn ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần làm ảnh

hưởng đến kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần trả nợ cho anh T nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy không bỏ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Từ đầu năm 2022 anh T bỏ nhà đi cho đến nay không còn quan T gì đến vợ con, anh T không trở về nhà lần nào và cũng không liên lạc với gia đình vợ con. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh T để chị yên ổn cuộc sống nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 29/5/2008; Trần Phương A, sinh ngày 27/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/9/2016. Hiện nay 03 con đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Th khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T đến để giải quyết nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Th; về con chung: giao 03 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung chị Th khai không có nên không xem xét; về án phí: buộc chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trường Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Minh T có nơi cư trú tại số 165 đường Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trường Th và anh Trần Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, cách nuôi dạy con chung cách làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng chị Th, anh T hay xảy ra lục đục, cãi vã do anh T ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng xảy ra bất hòa. Từ đầu năm 2022 (trước tết nguyên đán) anh T đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không quan T gì đến vợ con. Tại phiên tòa chị Th cương quyết đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh T vì chị không còn tình cảm gì với anh T nữa. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Th với anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi 03 con chung của chị Th thấy rằng từ khi anh T bỏ nhà đi thì 03 con chung vẫn đang sống cùng chị, các cháu được mẹ chăm sóc khỏe mạnh, ăn học và phát triển bình thường. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên giao 03 con chung Trần Quỳnh A, sinh ngày 29/5/2008; Trần Phương A, sinh ngày 27/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/9/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Th khai không có nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị Th khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trường Th và anh Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 29/5/2008; Trần Phương A, sinh ngày 27/4/2012 và Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/9/2016 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Th khai không có.

4. Về nợ chung: Chị Th khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trường Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004606 ngày 18/10/2021 của Chi cục Th hành án dân sự thành phố B. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố B;
+ T.H.A thành phố B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND phường Lộc Sơn, thành phố B;
+ Lưu hồ sơ vụ án.